

Cáp kết nối NEBV-M12G8-K-5-M12G4

Số bộ phận: 553576

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Tuân theo tiêu chuẩn	EN 61076-2-101
Tên cáp	không giá biển báo
Cổng nối điện 1, chức năng	Phía thiết bị hiện trường
Cổng nối điện 1, thiết kế	tròn
Cổng nối điện 1, kiểu kết nối	Ổ cắm
Cổng nối điện 1, đầu ra cáp	thẳng
Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	M12x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-101
Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây	8
Cổng nối điện 1, cực/dây điện được dùng	4
Cổng nối điện 1, kiểu gắn	Khóa vít
Cổng nối điện 2, chức năng	Phía điều khiển
Cổng nối điện 2, thiết kế	tròn
Cổng nối điện 2, kiểu kết nối	Giắc cắm
Cổng nối điện 2, đầu ra cáp	thẳng
Cổng nối điện 2, công nghệ kết nối	M12x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-101
Cổng nối điện 2, số cực/dây	4
Cổng nối điện 2, cực/dây điện được dùng	4
Cổng nối điện 2, kiểu gắn	Khóa vít
Dải điện áp hoạt động DC	0 V...30 V
Dải điện áp hoạt động AC	0 V...30 V
Khả năng tải dòng điện ở 40 ° C	2 A
Độ chịu điện áp xung	0.8 KV
Lớp bảo vệ	có
Chiều dài cáp	5 m
Đặc điểm dây dẫn	Tiêu chuẩn
Bán kính uốn, định tuyến cáp cố định	29 mm
Bán kính uốn, định tuyến cáp có thể di chuyển	58 mm
Đường kính cáp	5.6 mm
Dung sai đường kính cáp	± 0,2 mm
Cấu tạo cáp	4 x 0,34 mm ²

Đặc tính	Giá trị
Mặt cắt danh định của dây dẫn	0.34 mm ²
Mức độ bảo vệ	IP67
Lưu ý về mức độ bảo vệ	ở trạng thái lắp
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-25 °C...85 °C
Nhiệt độ môi trường xung quanh với định tuyến cáp linh hoạt	-5 °C...80 °C
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo các quy định UK RoHS
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B2-L
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS không chứa halogen
mức độ ô nhiễm	3
Lớp chống ăn mòn KBK	2 - bị ăn mòn vừa phải
Vật liệu vỏ bọc cáp	TPE-U(PUR)
Màu vỏ cáp	xám
Vật liệu vỏ	TPE-U(PUR)
nhà màu	màu đen
Vật liệu khóa vít	Đồng thau, mạ niken
Vật liệu của phốt	NBR
Vật liệu các tiếp điểm phích cắm	Đồng thau, mạ vàng
Vật liệu vỏ cách điện	PP